DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TƯ NHÂN ĐẠI PHÁT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 159/2022/TBĐG-ĐP	**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**
	Gia Lai, ngày 30 tháng 12 năm 2022

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

1. **Đơn vị có tài sản bán đấu giá:** Hạt Kiểm Lâm huyện Kông Chro. Địa chỉ: Số 82 Lê Lai, thị trấn Kông Chro , huyện Kông Chro, Gia Lai.
2. **Đơn vị tổ chức thực hiện bán đấu giá:** Doanh nghiệp Đấu giá tư nhân Đại Phát. Địa chỉ: 239A Duy Tân, Phường Diên Hồng, TP. Pleiku, Gia Lai.
3. **Tài sản bán đấu giá:** Đấu giá tài sản tịch thu trong lĩnh vực Lâm nghiệp, gồm:

Lô 1: Tài sản do UBND huyện ra quyết định tịch thu gồm: Lâm sản: 5,597 m^3 Gỗ tròn, xẻ các loại

Giá khởi điểm lô 1: 50.922.500 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi triệu chín trăm hai mươi hai ngàn năm trăm đồng*)

Lô 2: Tài sản do Hạt trưởng Hạt Kiểm Lâm ra quyết định tịch thu gồm: **Lâm sản**: 819,908 m3 Gỗ tròn, xẻ các loại (trong đó: 2,575 m^3 gỗ tròn và 17,333 m^3 Gỗ xẻ); 31,62 ster củi; 80 kg gốc rễ Trắc; 407 Gỗ rễ Hương; 20 kg Cẩm và **Phế liệu** : 75 kg (gồm: 01 xe máy độ chế, 01 cưa xăng, 01 cái rìu)

Giá khởi điểm lô 2: 133.421.340 đồng *(Bằng chữ: Một trăm ba mươi ba triệu bốn trăm hai mươi mốt ngàn ba trăm bốn mươi đồng)*

4. **Tổng Giá khởi điểm của 02 lô tài sản: 184.343.840 đồng** *(Bằng chữ: Một trăm tám mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn tám trăm bốn mươi đồng)*
5. **Tiền đặt trước**: 20% giá khởi điểm/ lô tài sản.
6. **Phí tham gia đấu giá**: Lô 1: 150.000 đồng/01 hồ sơ; Lô 2: 200.000 đồng/ 01 hồ sơ.
7. **Thời gian xem tài sản:** Ngày 09/01/2023 và 10/01/2023 (trong giờ hành chính).
8. **Địa điểm xem tài sản:** Xem trực tiếp nơi có tài sản bán đấu giá.
9. **Thời gian địa điểm bán, nhận, kết thúc hồ sơ tham gia đấu giá**: Từ ngày 03/01/2023 đến 15 giờ 00' ngày 16/01/2023 (trong giờ hành chính), tại Doanh nghiệp Đấu giá tư nhân Đại Phát
10. **Thời gian nhận tiền đặt trước**: Trong thời gian 03 ngày làm việc trước ngày tổ chức cuộc bán đấu giá.(Giờ hành chính).
11. **Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá**: Khách hàng đăng ký tham gia đấu giá phải nộp đơn đăng ký, tiền phí tham gia đấu giá, tiền đặt trước theo quy định. Trừ các trường hợp pháp luật quy định không được phép tham gia đấu giá.
12. **Thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá**: **Lô 1**: Lúc 08 giờ, 00 phút, ngày 19/01/2023
    Lô 2: Lúc 09 giờ, 00 phút, ngày 19/01/2023

    Địa điểm: Tại Hội trường Hạt Kiểm Lâm huyện Kông Chro. Địa chỉ: Số 82 Lê Lai, thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, Gia Lai.
13. **Hình thức đấu giá, Phương thức đấu giá**: Đấu giá trực tiếp bằng lời nói tại cuộc đấu giá; Phương thức trả giá lên.

Mọi chi tiết xin liên hệ: Doanh nghiệp Đấu giá tư nhân Đại Phát số 239A Duy Tân, Phường Diên Hồng, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai. **Điện thoại:** 02693.887.339./.

Nơi nhận:

- *Trang thông tin điện tử Quốc gia về ĐG tài sản;*
- *Trang Tài sản công- Bộ Tài chính*
- *Đăng Báo Thanh Niên*
- *Niêm yết Hạt Kiểm Lâm huyện Kông Chro*
- *Niêm yết nơi có tài sản BĐG*
- *Niêm yết tại DN Đấu giá tư nhân Đại Phát;*
- *Lưu HS đấu giá.*

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 5901033169 - D.N.Đ.G.T.N
DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TƯ NHÂN ĐẠI PHÁT
TP. PLEIKU - T. GIA LAI

TRƯƠNG THÁI TÚ LAM

Scanned with CamScanner

DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TƯ NHÂN ĐẠI PHÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHI TIẾT GIÁ TRỊ LÔ TÀI SẢN

Stt	Tên tài sản	Quy cách		Đơn vị tính	Nhóm	Khối lượng (m^3)
	Lô 1: Tài sản do UBND huyện ban hành quyết định tịch thu					
	Gỗ xẻ	Dài (m)	Dày, Rộng (cm)			5.407
1	Gõ	< 2	Φ < 25	m^3	1	0.752
2	Gõ	≥ 2-<4	Φ <25	m^3	1	0.834
3	Gõ	≥ 2-<4	Φ ≥ 25-34	m^3	1	0.106
4	Căm xe	< 2	Φ < 25	m^3	2	1.653
5	Căm xe	≥ 2-<4	Φ < 25	m^3	2	0.962
6	Bằng lăng	≥ 2-<4	Φ < 25	m^3	3	0.778
7	Bằng lăng	≥ 2-<4	Φ ≥ 25-34	m^3	3	0.322
8	Gỗ tròn	Dài (m)	Đường kính (cm)	m^3		0.190
9	Cà chít	< 2	Φ < 25	m^3	3	0.190
	Giá Khởi điểm lô 01 (đồng)					50.922.500
	Lô 02: Tài sản do Hạt Kiểm Lâm Kông Chro ban hành quyết định tịch thu					
Stt	Tên tài sản	Quy cách		Đơn vị tính	Nhóm	Khối lượng (m^3)
	Gỗ xẻ	Dài (m)	Dày, Rộng (cm)			17.333
1	Gõ	< 2	Φ < 25	m^3	1	0.209
2	Gõ	≥ 2-<4	Φ < 25	m^3	1	0.077
3	Gõ	< 2	Φ ≥ 25-34	m^3	1	0.072
4	Căm xe	< 2	Φ < 25	m^3	2	1.775
5	Căm xe	≥ 2-<4	Φ < 25	m^3	2	0.280
6	Căm xe	< 2	Φ ≥ 25-34	m^3	2	0.203
7	Căm xe	≥ 2-<4	Φ ≥ 25-35	m^4	2	0.096
8	Bằng lăng	< 2	Φ < 25	m^3	3	1.288
9	Bằng lăng	< 2	Φ ≥ 25-34	m^3	3	0.025
10	Bằng lăng	≥ 2-<4	Φ < 25	m^3	3	2.113
11	Bằng lăng	≥ 2-<4	Φ ≥ 25-35	m^3	3	1.842
12	Dổi	≥ 2-<4	Φ < 25	m^3	3	0.096
13	Dổi	≥ 2-<4	Φ ≥ 25-35	m^3	3	0.184
14	Dổi	≥ 2-<4	Φ ≥ 35-49	m^3	3	0.283
15	Cà chít	< 2	Φ < 25	m^3	3	0.488
16	Cà chít	≥ 2-<4	Φ < 25	m^3	3	1.394
17	Cà chít	≥ 4-<6	Φ < 25	m^3	3	4.506
18	Bình linh	< 2	Φ < 25	m^3	3	0.063
19	Bời lời	≥ 2-<4	Φ ≥ 35-49	m^3	4	0.230
20	Kiền kiền	≥ 2-<4	Φ < 25	m^3	2	0.060
21	Kiền kiền	≥ 2-<4	Φ ≥ 35-49	m^3	2	0.300
22	Kiền kiền	≥ 2-<4	Φ ≥ 50	m^3	2	0.172
23	Lim	< 2	Φ < 25	m^3	2	0.022

Scanned with CamScanner

24	Mít	< 2	Φ < 25	m^3	6	0.026
25	Sao xanh	< 2	Φ ≥ 35-49	m^3	2	0.207
26	Sao xanh	≥ 2-<4	Φ ≥ 35-49	m^3	2	0.042
27	Sao xanh	≥ 2-<4	Φ ≥ 50	m^3	2	1.155
28	Xoay	≥ 2-<4	Φ < 25	m^3	2	0.125
	Gỗ tròn	**Dài (m)**	**Đường kính (cm)**			**2.575**
1	Cà chít	< 2	Φ < 25	m^3	3	0.037
2	Cà chít	≥ 2-<4	Φ < 25	m^3	3	0.126
3	Bạch đàn	< 2	Φ < 25	m^3	6	2.119
4	Bạch đàn	< 2	Φ ≥ 25-35	m^3	6	0.293
	Lâm sản khác					
1	Củi tròn SP3 đến SP8			Ster	3-8	31.62
2	Gốc rễ Trắc			Kg	1	80
3	Gốc rễ Hương			Kg	1	407
4	Gốc rễ Cầm			Kg	1	20
	Phế liệu					
1	01 xe máy độ chế không biển số			Kg		70
2	01 máy cưa xăng, 1 cái rìu			Kg		5
	Giá Khởi điểm lô 02 (đồng)					**133.421.340**
	Tổng Giá khởi điểm 02 lô tài sản					**184.343.840**
Bằng chữ: Một trăm tám mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn tám trăm bốn mươi đồng						

Scanned with CamScanner